

The Saigon International  
University



Khóa luận  
tốt nghiệp

Thành phố Hồ Chí Minh - 2023

\*\*\*

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

Ngành:

**Luật kinh tế**

**ĐỀ TÀI:**

# **QUYỀN NUÔI CON NUÔI CỦA CẶP ĐÔI ĐỒNG GIỚI, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI TẠI VIỆT NAM**

*Giảng viên hướng dẫn*

**Th.S Nguyễn Thị Ngọc Uyên**

*Sinh viên*

**Nguyễn Thiết An**

MSSV: 97381901664



**Lewis Campus**

Email: [admission@siu.edu.vn](mailto:admission@siu.edu.vn)  
Website: [www.siu.edu.vn](http://www.siu.edu.vn)

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “Quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt nam” là công trình nghiên cứu của chính cá nhân tôi. Tôi đã tự đọc nghiên cứu, dịch tài liệu và tổng hợp các kiến thức để làm nên luận văn này và đảm bảo không sao chép ở bất cứ đâu. Những lý thuyết trong luận văn đều được sử dụng tài liệu như tôi đã tham khảo ở phần tài liệu tham khảo đã có trong luận văn. Tất cả những số liệu trong luận văn đảm bảo trung thực và chưa được công bố ở bất cứ công trình nghiên cứu nào khác.

## LỜI CẢM ƠN

Đề tài “Quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt nam” là nội dung mà em đã nghiên cứu và làm luận văn tốt nghiệp sau thời gian theo học tại Khoa Luật kinh tế, Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn. Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận văn, em đã nhận được nhiều sự quan tâm, giúp đỡ từ Quý thầy cô, anh chị đồng nghiệp, gia đình và bạn bè. Để luận văn thành công nhất, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến với:

Em xin trân trọng cảm ơn cô Nguyễn Thị Ngọc Uyên là giảng viên hướng dẫn, là người cô tâm huyết, đã tận tâm hướng dẫn, giúp đỡ em em trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài. Cô đã có những trao đổi và góp ý để em có thể hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu này.

Cảm ơn chú Nguyễn Hữu Thống và các anh chị trong Công ty Luật TNHH Dur Niên đã tạo môi trường học tập và rèn luyện rất tốt, cung cấp cho em những kiến thức và kỹ năng bổ ích, đóng góp ý kiến cho đề tài khóa luận giúp em có thể áp dụng và thực hiện thuận lợi hơn.

Em cũng xin trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu và đội ngũ giáo viên Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn đã tạo cơ hội cho em được công tác tại trường để có những kiến thức, kinh nghiệm trong thực tế để có thông tin hữu ích cho khóa luận của mình.

Cuối cùng, em xin cảm ơn gia đình, bạn bè đã luôn động viên và tạo điều kiện tốt nhất để em có thể nỗ lực hoàn thành tốt bài nghiên cứu.

Em xin chân thành cảm ơn!

**NHẬN XÉT CỦA GIÁNG VIÊN HƯỚNG DẪN**

## MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT.....	ix
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ.....	xi
CHƯƠNG TỔNG QUAN .....	1
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Mục tiêu.....	2
2.1. Mục tiêu tổng quát.....	2
2.2. Mục tiêu cụ thể .....	2
3. Câu hỏi nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	2
4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài.....	2
4.2. Phạm vi nghiên cứu .....	3
5. Phương pháp nghiên cứu .....	3
6. Đóng góp dự kiến của đề tài.....	3
7. Kết cấu của đề tài.....	3
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ XU HƯỚNG TÍNH DỤC, BẢN DẠNG GIỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYỀN NHẬN NUÔI TRONG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH .....	4
1.1 Tổng quan các điều ước quốc tế về xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em từ góc độ bảo vệ quyền trong hôn nhân, gia đình và nuôi con nuôi. ....	4
1.1.1 Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong điều ước quốc tế .....	4

1.1.2 Quyền trẻ em trong điều ước quốc tế .....	8
1.2 Tổng quan các quy định của pháp luật Việt Nam về xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em từ góc độ bảo vệ quyền trong hôn nhân, gia đình và nuôi con nuôi.....	11
1.2.1 Xu hướng tính dục và bản dạng giới theo hệ thống pháp luật Việt Nam .....	11
1.2.2 Quyền trẻ em trong hệ thống pháp luật Việt Nam.....	14
1.3 Kết luận chương 1 .....	18
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ THÔNG QUA VIỆC NHẬN NUÔI CON TẠI VIỆT NAM.....	19
2.1. Nhu cầu chung sống, nuôi con, nhận con nuôi .....	19
2.1.1 Nhu cầu chung sống và kết hôn.....	19
2.1.2 Nhu cầu sinh và nuôi con .....	19
2.1.3 Mức độ chủ động tìm hiểu thủ tục nuôi con nuôi.....	21
2.2. Thực tế và yếu tố tác động tác động đến việc chung sống và nuôi con.....	22
2.2.1 Sự công nhận theo pháp luật.....	23
2.2.2 Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương: .....	24
2.2.3 Thái độ của cộng đồng: .....	25
2.2.4 Thái độ của gia đình: .....	26
2.2.5 Các yếu tố khác: .....	27
2.3 Kết luận chương 2 .....	27
CHƯƠNG 3: KHUYẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT VIỆC SỬA ĐỔI PHÁP LUẬT LIÊN QUAN NHẪM GHI NHẬN QUYỀN NUÔI CON NUÔI CỦA CÁC CẶP ĐÔI CÙNG GIỚI.....	29

3.1. Khuyến nghị sửa đổi Bộ luật Dân sự.....	29
3.2. Khuyến nghị sửa đổi Luật Nuôi con nuôi.....	30
3.2.1 Luật Nuôi con nuôi có thể mở rộng hình thức nuôi con nuôi thành nuôi con nuôi tạm thời hoặc nhận con nuôi trong một thời hạn xác định (con nuôi):.....	30
3.2.2 Cần có các văn bản dưới luật hướng dẫn các điều kiện đối với người nhận con nuôi:.....	30
3.2.3 Đảm bảo không có sự phân biệt đối xử trong việc các cặp vợ chồng nhận con chung:.....	31
3.3. Khuyến nghị sửa đổi Luật Bình đẳng giới.....	32
3.4. Khuyến nghị sửa đổi Luật Trẻ em.....	32
3.5 Kết luận chương 3 .....	32
KẾT LUẬN .....	3
TÓM TẮT BÀI KHÓA LUẬN .....	4
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	9



## DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Từ nguyên mẫu	Từ viết tắt
1	Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015	Bộ luật Dân sự
2	Công ước về quyền trẻ em năm 1989	CRC
3	Công ước quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị năm 1966	ICCPR
4	Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa năm 1966	ICESCR
5	Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường	ISEE
6	Viết tắt của từ “Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender”, có nghĩa là đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới	LGBT
7	Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006.	Luật Bình đẳng giới
8	Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2014	Luật Hôn nhân và Gia đình
9	Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2014	Luật Nuôi con nuôi

10	Luật trẻ em 2016 số 102/2016/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 5 tháng 4 năm 2016	Luật Trẻ em
11	Ủy ban nhân dân	UBND
12	Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người năm 1948	UDHR

## BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Định nghĩa
1	Giới	Đề cập đến những vai trò, hành vi, hoạt động và thuộc tính được vun đắp trong môi trường xã hội mà một xã hội nhất định cho là phù hợp với nam và nữ. <sup>1</sup>
2	Giới tính sinh học	Đề cập đến các đặc điểm sinh học và tâm lý để xác định nam giới và nữ giới.
3	Bản dạng giới	Cảm giác nội tại của một cá nhân về việc mình là nam, nữ hay trạng thái nào khác. Vì là cảm nhận nội tại nên bản dạng giới của mỗi người không nhất thiết phải thể hiện trước những người khác <sup>2</sup>
4	Xu hướng tính dục	Sự hấp dẫn về mặt tính dục và cảm xúc của một người dành cho người khác. Các xu hướng tính dục điển hình bao gồm sự hấp dẫn với những người cùng giới (đồng tính), sự hấp dẫn với những người khác giới (dị tính), và sự hấp dẫn với cả hai giới (song tính). <sup>3</sup>
5	LGBT	Cụm từ viết tắt tiếng Anh của đồng tính, song tính và chuyển giới.

<sup>1</sup> WHO, Gender and health, World Health Organization [https://www.who.int/health-topics/gender#tab=tab\\_1](https://www.who.int/health-topics/gender#tab=tab_1) truy cập ngày 2/7/2023

<sup>2</sup> La Trọng Nhon, 2023, Bản dạng giới là gì? Bản dạng giới và xu hướng tính dục LADIGI Academy, <https://ladigi.vn/ban-dang-gioi-la-gi-chi-tiet-ve-ban-dang-gioi-moi-nhat-2021> truy cập 2/7/2023

<sup>3</sup> La Trọng Nhon, 2023, Bản dạng giới là gì? Bản dạng giới và xu hướng tính dục LADIGI Academy, <https://ladigi.vn/ban-dang-gioi-la-gi-chi-tiet-ve-ban-dang-gioi-moi-nhat-2021> truy cập 2/7/2023

6	Đồng tính	Sự hấp dẫn về mặt cảm xúc hoặc tình dục chủ yếu, hoặc chỉ dành riêng, cho người cùng giới.
7	Dị tính	Sự hấp dẫn về mặt cảm xúc hoặc tình dục chủ yếu, hoặc chỉ dành riêng, cho người khác giới
8	Song tính	Sự hấp dẫn về mặt cảm xúc hoặc tình dục dành cho cả người cùng giới lẫn người khác giới.
9	Chuyển giới	Thuật ngữ bao trùm dùng để chỉ người có bản dạng giới, biểu hiện hay hành vi giới khác biệt với những biểu hiện, hành vi điển hình gắn liền với giới tính được chỉ định khi người đó sinh ra. Không phải người chuyển giới nào cũng có thể hoặc muốn trải qua trị liệu học môn hoặc giải phẫu chuyển đổi giới tính.
10	Chuyển đổi giới tính	Thuật ngữ chỉ những người đã thực hiện thay đổi vĩnh viễn cơ thể của mình, hoặc sẽ làm điều đó, thông qua can thiệp y học nhằm đạt được các đặc điểm cơ thể của giới tính khác.
11	Công khai - “Come out”	Đề cập đến quá trình một người thừa nhận và chấp nhận xu hướng tính dục và bản dạng giới của mình. Quá trình này cũng bao gồm việc một người tiết lộ xu hướng tính dục và bản dạng giới của mình cho người khác biết.
12	Giám hộ	Giám hộ là việc cá nhân, tổ chức (sau đây gọi chung là người giám hộ) được pháp luật quy định hoặc được cử để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự (sau đây gọi chung là người được giám hộ) <sup>4</sup>

<sup>4</sup> Quốc hội, 2015, Bộ luật Dân sự 2015

13	Đại diện	Đại diện là việc một người (sau đây gọi là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của người khác (sau đây gọi là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện. <sup>5</sup>
14	Người giám hộ	Cá nhân hoặc tổ chức được pháp luật quy định hoặc được cử để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự.
15	Người được giám hộ	Người chịu sự giám hộ của người giám hộ. Người được giám hộ bao gồm: (a) Người chưa thành niên không còn cha, mẹ, không xác định được cha, mẹ hoặc cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ hoặc cha, mẹ không có điều kiện chăm sóc, giáo dục người chưa thành niên đó và nếu cha, mẹ có yêu cầu; (b) Người mất năng lực hành vi dân sự. <sup>6</sup>
16	Người đại diện	Người nhân danh và vì lợi ích của một người khác xác lập thực hiện các giao dịch trong phạm vi thẩm quyền đại diện <sup>9</sup> . Người đại diện có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền

---

<sup>5</sup> Quốc hội, 2015, Bộ luật Dân sự 2015

<sup>6</sup> Quốc hội, 2015, Bộ luật Dân sự 2015

# CHƯƠNG TỔNG QUAN

## 1. Lý do chọn đề tài

Ở Việt Nam, những người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (LGBT) thường xuyên phải đối mặt với sự phân biệt đối xử và kỳ thị. Trong một nghiên cứu với 3.000 người đồng tính nam và 40 phụ nữ đồng tính nữ, 95% số người được hỏi cho biết họ đã từng bị phân biệt đối xử và kỳ thị dưới nhiều hình thức khác nhau. Sự phân biệt đối xử và kỳ thị đối với người LGBT xuất phát từ xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ, dưới nhiều hình thức trong xã hội, nơi làm việc và ngay cả trong gia đình.

Trong những năm gần đây, quyền của người LGBT đã được đề cập rộng rãi hơn ở Việt Nam. Bên cạnh việc vận động cho quyền kết hôn của các cặp đôi đồng giới, các nhóm cộng đồng và tổ chức xã hội dân sự Việt Nam hoạt động vì sự đa dạng giới và tính dục cũng đang ngày càng quan tâm đến quyền được nhận con nuôi của người LGBT.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, các nghiên cứu về quyền liên quan đến giới và đa dạng tính dục mới chỉ tập trung vào bình đẳng hôn nhân, chung sống đồng giới, phân biệt đối xử và kỳ thị trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới cũng như xác định lại giới tính của người chuyển giới. Chưa có nhiều các nghiên cứu liên quan đến việc quyền nhận nuôi con, sự phân biệt đối xử trong việc nhận nuôi con trên cơ sở xu hướng tính dục của người nhận nuôi con.

Mặc dù đã có thể thấy qua những nghiên cứu, vận động đã có sự thay đổi về việc pháp luật không thừa nhận kết hôn đồng giới, hay quyền cho người chuyển giới. Những Việc nhận nuôi con nuôi tại Việt Nam với cặp đôi vẫn còn là một thử thách. Theo quy định của Luật nuôi con thì chỉ có người độc thân hoặc cặp vợ chồng mới được nhận con nuôi. Do Việt Nam chưa thừa nhận hôn nhân đồng giới nên cặp đôi đồng giới dù có làm đám cưới cũng không được xem là cặp vợ chồng hợp pháp. Do đó, nếu muốn nhận con nuôi ở Việt Nam, một trong hai người của cặp đôi đồng tính sẽ phải xin giấy xác nhận tình trạng độc thân và nhận con nuôi dưới hình thức là một người độc thân. Đồng thời, quá trình thủ tục và thẩm quyền để được nhận con nuôi theo luật quy định vẫn chưa toàn diện. Thực tế vẫn còn có sự phân biệt đối xử trong việc nhận nuôi con qua việc đánh giá về xu hướng tính dục của người nhận nuôi con. Cũng vì những điều trên khiến cho việc tạo dựng một gia đình, nuôi dưỡng và tạo thêm cơ hội cho những đứa trẻ một mái ấm hay một môi trường gia đình bị hạn chế.

Từ những lý do trên, tôi quyết định chọn đề tài “Quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt nam” để làm bài khóa luận tốt nghiệp.

## **2. Mục tiêu**

### 2.1. Mục tiêu tổng quát

Khuyến nghị các hoạt động vận động hướng tới việc sửa đổi Luật Nuôi con nuôi và pháp luật liên quan nhằm ghi nhận quyền nuôi con nuôi của các cặp đôi cùng giới tính và cặp đôi người chuyển giới cùng bạn đời của họ.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể của đề tài gồm:

- 1) Lý luận về các vấn đề liên quan tới xu hướng tính dục và bản dạng giới và quyền của trẻ em trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ góc nhìn bảo vệ quyền;
- 2) Thực tiễn và nhu cầu nuôi con nuôi của cặp đôi đồng giới tại Việt Nam
- 3) Một số nhận xét, kiến nghị trong Luật Nuôi con nuôi và pháp luật liên quan nhằm ghi nhận quyền nuôi con nuôi của các cặp đôi cùng giới

## **3. Câu hỏi nghiên cứu**

- 1) Quy định trên thế giới và Việt Nam nói gì về bình đẳng về xu hướng tính dục và bản dạng giới? Liệu điều đó có ảnh hưởng gì đến việc nhận nuôi con nuôi
- 2) Thực tiễn về nhu cầu nuôi con nuôi của cặp đôi đồng giới tại Việt Nam đang diễn ra như thế nào?
- 3) Có nhận xét và kiến nghị gì cho những bất cập trong việc nhận nuôi con của cặp đôi đồng giới tại Việt Nam hay không?

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### 4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đề tài nghiên cứu khóa luận có đối tượng nghiên cứu là:

Nghiên cứu những lý luận chung về khái niệm và quy định về xu hướng tính dục của các cặp đôi đồng giới, sự ảnh hưởng trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ góc nhìn bảo vệ quyền.

Nghiên cứu chỉ ra những bất cập trong quy định chế tài vi phạm về xu hướng tính dục của các cặp đôi đồng giới, sự ảnh hưởng đến việc nuôi con nuôi.

Các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung, quy định liên quan đến xu hướng tính dục của các cặp đôi đồng giới, sự ảnh hưởng đến việc nuôi con nuôi.

#### 4.2. Phạm vi nghiên cứu

Các điều ước quốc tế, chính sách và quy định pháp luật Việt Nam có liên quan tới xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, nuôi con nuôi.

Hệ thống các quy phạm pháp luật trong Luật nuôi con nuôi, Luật Trẻ em, Bộ luật dân sự, và các văn bản pháp luật khác.

### 5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp diễn giải, phương pháp hệ thống hóa, phương pháp liệt kê, phương pháp phân tích được sử dụng trong Chương 1 khi nghiên cứu lý luận chung về xu hướng tính dục của các cặp đôi đồng giới, sự ảnh hưởng trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ góc nhìn bảo vệ quyền.

Phương pháp thống kê, phương pháp liệt kê, phương pháp phân tích được sử dụng trong Chương 2 khi trình bày thực tiễn và nhu cầu nuôi con nuôi của cặp đôi đồng giới tại Việt Nam

Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng ở Chương 3 khi phân tích đề xuất, nhận xét, kiến nghị việc sửa đổi Luật Nuôi con nuôi và pháp luật liên quan nhằm ghi nhận quyền nuôi con nuôi của các cặp đôi cùng giới.

### 6. Đóng góp dự kiến của đề tài

Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần củng cố, bổ sung và đóng góp một số giải pháp để hoàn thiện những quy định về việc nhận con nuôi của cặp đôi đồng giới mà không bị ảnh hưởng bởi xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ.

### 7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Một số lý luận chung về xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em trong pháp luật hiện hành

Chương 2: Thực tiễn về nhu cầu và một số vấn đề pháp lý liên quan thông qua việc nhận nuôi con tại Việt Nam

Chương 3: Khuyến nghị và đề xuất việc sửa đổi pháp luật liên quan nhằm ghi nhận quyền nuôi con nuôi của các cặp đôi cùng giới.





# **CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ XU HƯỚNG TÍNH DỤC, BẢN DẠNG GIỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYỀN NHẬN NUÔI TRONG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

## **1.1 Tổng quan các điều ước quốc tế về xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em từ góc độ bảo vệ quyền trong hôn nhân, gia đình và nuôi con nuôi.**

### **1.1.1 Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong điều ước quốc tế**

Với việc tiếp cận vấn đề dựa trên quyền để nghiên cứu, tập trung vào vấn đề chính là bình đẳng và không phân biệt đối xử với người xin nhận con nuôi trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới. Thông qua các quy định về quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong các công ước quốc tế cũng như các quyền liên quan trong lĩnh vực về hôn nhân, gia đình và nuôi con nuôi.

Đầu tiên, nhân quyền là những quyền vốn có của tất cả mọi người không phân biệt quốc tịch, nơi cư trú, giới tính, nguồn gốc quốc gia hay dân tộc, màu da, tôn giáo, ngôn ngữ hay bất kỳ đặc điểm nào khác. Tất cả cá thể đều được hưởng các quyền con người một cách bình đẳng mà không bị phân biệt đối xử. Đặc biệt, hai quyền cơ bản của con người phổ biến trong các điều ước quốc tế là bình đẳng và không phân biệt đối xử, đây cũng là một nguyên tắc xuyên suốt trong Bộ luật Nhân quyền quốc tế.

#### **a. Nguyên tắc không phân biệt đối xử:**

Nguyên tắc không phân biệt đối xử là một trong những nguyên tắc cơ bản về quyền con người được đề cập trong các văn kiện quốc tế, chẳng hạn như Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR).

Tuyên ngôn Quốc tế về nhân quyền được công nhận bởi Liên hợp quốc vào năm 1948 và là công cụ pháp lý quốc tế đầu tiên tập trung vào nhân quyền. Đây cũng được xem là tiêu chuẩn cho mỗi quốc gia, tổ chức, cá nhân để đạt sự tôn trọng tự do và nhân quyền.

Ngay tại điều 1 của UDHR quy định: “Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền. Mọi con người đều được tạo hoá ban cho lý trí và lương tâm và cần phải đối xử với nhau trong tình bằng hữu”<sup>7</sup> Ngay từ điều luật đầu tiên, nguyên tắc không phân biệt đối xử đã là thành phần cơ bản của luật nhân quyền.

Hơn nữa tại điều 2 của UDHR quy định:

<sup>8</sup>“Mọi người đều được hưởng tất cả những quyền và tự do nêu trong Bản tuyên ngôn này, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hay địa vị xã hội.

Ngoài ra, cũng không có bất cứ sự phân biệt nào về địa vị chính trị, pháp quyền hay quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ mà một người xuất thân, cho dù quốc gia hay lãnh thổ đó được độc lập, được đặt dưới chế độ uỷ trị, chưa tự quản hay có chủ quyền hạn chế.”

Có thể thấy ở Tuyên ngôn diễn tả thêm việc không phân biệt qua “ các quan điểm khác”, ở đây có thể hiểu rằng đồng tính có thể được lý giải là một loại “ quan điểm khác”. Và sự lý giải này có thể bảo vệ cho quyền của cộng đồng đồng tính đạt được quyền bình đẳng của họ.

Ngoài ra, nguyên tắc này được nhắc lại và củng cố trong :

Khoản 1 Điều 2 của ICCPR :

“Các quốc gia thành viên Công ước cam kết tôn trọng và đảm bảo cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền tài phán của mình các quyền đã được công nhận trong Công ước này, không có bất kỳ sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc địa vị khác.”<sup>9</sup>

Khoản 2 điều 2 của ICESCR:

“Các quốc gia thành viên cam kết bảo đảm rằng các quyền được nêu trong Công ước này sẽ được thực hiện không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính,

---

<sup>7</sup> Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp Quốc UDHR - vietnamese. [http://unicode.org/udhr/d/udhr\\_vie.html](http://unicode.org/udhr/d/udhr_vie.html) (Truy cập: 26/6/2023).

<sup>8</sup> Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp Quốc UDHR - vietnamese. [http://unicode.org/udhr/d/udhr\\_vie.html](http://unicode.org/udhr/d/udhr_vie.html) (Truy cập: 26/6/2023).

<sup>9</sup> Công ước quốc tế về Quyền Dân sự và Chính Trị

ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc các quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc các địa vị khác.”<sup>10</sup>

Theo đó, mỗi Quốc gia thành viên, bao gồm Việt Nam với tư cách là một bên ký kết, cam kết tôn trọng và đảm bảo các quyền được công nhận trong ICCPR và ICESCR.

Các văn kiện quốc tế này đều bao gồm danh sách các cơ sở phân biệt đối xử bị cấm trong các điều khoản đảm bảo không phân biệt đối xử. Tuy rằng những danh sách này không bao gồm rõ ràng “xu hướng tính dục” hoặc “bản dạng giới” hay “đồng tính”, nhưng tất cả chúng đều kết thúc bằng từ “tình trạng khác”. Các cơ sở phân biệt đối xử bao gồm xu hướng tính dục và bản dạng giới vẫn chưa được liệt kê rõ ràng. Nhưng việc sử dụng cụm từ “tình trạng khác” cũng cho thấy rằng các danh sách này có sự chấp nhận hơn. Vậy nên các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng xu hướng tính dục của một người không phải là rào cản đối với việc thực hiện các quyền theo Công ước.

b. Nguyên tắc bình đẳng:

Song song với nguyên tắc không phân biệt đối xử là bình đẳng.

Như Điều 7 của UDHR quy định: “Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào.”<sup>11</sup> ICCPR tái khẳng định nguyên tắc này tại Điều 26, đồng thời cũng nêu rõ: “Về khía cạnh này, luật sẽ nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử và đảm bảo cho tất cả mọi người sự bảo vệ bình đẳng và hiệu quả chống lại sự phân biệt đối xử trên bất kỳ cơ sở nào như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc địa vị khác”.<sup>12</sup>

Dựa trên hai nguyên tắc cơ bản “không phân biệt đối xử” và “bình đẳng” trong luật nhân quyền quốc tế, có thể nói, tất cả mọi người không phân biệt xu hướng tính dục và bản dạng giới đều được hưởng đầy đủ quyền con người trong mọi mặt của cuộc sống, trong đó có cả quyền kết hôn, lập gia đình, nuôi con và nhận con nuôi.

---

<sup>10</sup> Công ước quốc tế các Quyền Kinh tế xã hội và Văn Hoá 1966

<sup>11</sup> Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp Quốc UDHR - vietnamese. [http://unicode.org/udhr/d/udhr\\_vie.html](http://unicode.org/udhr/d/udhr_vie.html) (Truy cập: 26/6/2023).

<sup>12</sup> Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp Quốc UDHR - vietnamese. [http://unicode.org/udhr/d/udhr\\_vie.html](http://unicode.org/udhr/d/udhr_vie.html) (Truy cập: 26/6/2023).